

Số: 39/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 4687/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2019, với:

A. PHẦN THU

I. Tổng thu ngân sách nhà nước :	15.443.901.415.662 đồng
- Nộp NSTW:	580.307.605.172 đồng
- Tổng thu NSDP được hưởng:	14.863.593.810.490 đồng
II. Tổng thu NSDP:	14.863.593.810.490 đồng

Trong đó:

1. Thu nội địa:	4.432.066.048.511 đồng
1.1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương:	1.286.092.227.792 đồng
1.2. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương:	55.424.340.883 đồng
1.3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:	355.202.221.555 đồng
1.4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:	384.860.064.582 đồng
1.5. Thuế thu nhập cá nhân:	398.066.353.106 đồng
1.6. Thuế bảo vệ môi trường:	116.813.683.936 đồng
1.7. Thu lệ phí trước bạ:	141.198.754.493 đồng
1.8. Thu phí và lệ phí:	36.357.584.551 đồng

1.9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	4.844.087.242 đồng
1.10. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:	177.412.195.783 đồng
1.11. Thu tiền sử dụng đất:	218.470.008.173 đồng
1.12. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN:	26.879.075.125 đồng
1.13. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết:	1.105.952.033.535 đồng
1.14. Thu tiền sử dụng khu vực biển:	11.311.200.000 đồng
1.15. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:	5.025.860.785 đồng
1.16. Thu khác ngân sách:	101.370.827.970 đồng
1.17. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác:	68.522.000 đồng
1.18. Thu hồi vốn, thu cổ tức:	6.717.007.000 đồng
2. Thu viện trợ:	1.328.082.000 đồng
3. Các khoản huy động đóng góp:	18.054.179.000 đồng
4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	5.776.579.565.102 đồng
5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên:	97.107.545.271 đồng
6. Thu chuyển nguồn năm trước:	3.021.212.458.967 đồng
7. Thu kết dư ngân sách năm trước:	1.517.245.931.639 đồng

B. PHÂN CHI

Tổng chi ngân sách địa phương: 12.727.591.406.160 đồng

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển:	2.869.776.807.423 đồng
2. Chi thường xuyên:	5.915.957.559.745 đồng
Bao gồm:	
2.1. Chi quốc phòng:	150.026.558.100 đồng
2.2. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	105.396.750.465 đồng
2.3. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	2.329.800.972.450 đồng
2.4. Chi khoa học và công nghệ:	20.661.103.988 đồng
2.5. Chi y tế, dân số và gia đình:	721.722.063.373 đồng
2.6. Chi văn hóa thông tin:	53.902.436.022 đồng
2.7. Chi phát thanh, truyền hình:	11.469.059.295 đồng
2.8. Chi thể dục, thể thao:	27.612.124.401 đồng
2.9. Chi bảo vệ môi trường:	83.599.328.008 đồng
2.10. Chi các hoạt động kinh tế:	696.282.008.588 đồng